UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr- UBND	*Hải Dương, ngày tháng 10 năm 2024*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh Hải Dương

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Sự cần thiết

Trong những năm qua, tỉnh Hải Dương đã ban hành một số chính sách hỗ trợ có liên quan trực tiếp đến người thuộc hộ nghèo như: Nghị quyết quy định nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong đó có người nghèo; quy định chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng đối với một số người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo; ưu tiên tiếp nhận đối tượng người khuyết tật nặng trở lên thuộc hộ nghèo vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; hỗ trợ thêm 30% mức đóng bảo hiểm y tế, hỗ trợ thêm 10% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hàng tháng. Đồng thời, tỉnh đã thực hiện tốt các chính sách của Trung ương hỗ trợ đối với hộ nghèo như: Hỗ trợ tiền điện; miễn, giảm học phí, chi phí học tập; hỗ trợ pháp lý; vay vốn tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo,… Nhờ được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua các chính sách ban hành cũng như sự triển khai thực hiện hiệu quả của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng, người dân, công tác giảm nghèo đã đạt được những kết quả tốt, từ đó tác động trực tiếp đến đời sống người thuộc hộ nghèo, giúp họ tiếp cận được các chính sách trợ giúp của nhà nước, vươn lên thoát nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo cuối giai đoạn theo chuẩn nghèo giai đoạn 2015-2020 là 1% (6.402 hộ); tỷ lệ hộ nghèo đầu giai đoạn 2021-2025 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 là 2,15% (13.823 hộ) giảm xuống còn 1,34% (8.695 hộ) năm 2023, giảm 38%.

Theo mục tiêu của tỉnh tại Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 là

"phấn đấu giảm 4/5 số hộ nghèo trong vòng 5 năm theo chuẩn mới" thì đến hết năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo sẽ giảm xuống còn 0,43% (tương ứng còn khoảng gần 3.000 hộ nghèo). Tuy nhiên, trong số hộ nghèo hiện nay thì chiếm hơn 60% là hộ nghèo không có khả năng lao động, rất khó thoát nghèo. Với những chính sách hỗ trợ người nghèo hiện hành thì dự báo tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2025 sẽ còn khoảng 1,15% (còn khoảng gần 8.000 hộ nghèo), những hộ nghèo còn lại chưa thoát nghèo đa số là những hộ không có khả năng lao động, do vậy khó đạt được mực tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đề ra.

Tham khảo một số tỉnh, thành phố: Thành phố Hà Nội. thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Ninh,... đã ban hành nghị quyết quy định trợ cấp hàng tháng hoặc hỗ trợ một lần đối với đối tượng người thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn.

Mặt khác, tại điểm 2.2 khoản 2 phần II Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới 1 trong các mục tiêu đến năm 2030 có nêu ***"... trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo".***

Tại điểm e Khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định Hội đồng nhân dân tỉnh ***"Quyết định biện pháp thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; biện pháp xóa đói, giảm nghèo"***.

Tại Kế hoạch số 195/KH-TU ngày 29/01/2024 của Tỉnh ủy Hải Dương thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã đặt ra chỉ tiêu ***"…có chính sách hỗ trợ và dần nâng mức về trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo"***.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo sau khi được công nhận thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương là cần thiết, đúng tình thần Nghị quyết của Đảng và quy định của pháp luật nhằm nâng cao thu nhập, giảm bớt khó khăn, giúp thoát nghèo và không tái nghèo sau khi thoát nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh, đạt mục tiêu Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII đề ra.

2. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

- Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014;

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Kế hoạch số 195/KH-TU ngày 29/01/2024 của Tỉnh ủy Hải Dương thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

3. Cơ sở thực tiễn

3.1. Tại tỉnh Hải Dương

Tổng hợp kết quả rà soát của các huyện, thị xã, thành phố, trên địa bàn tỉnh có 17.333 người thuộc 8.695 hộ nghèo, trong đó có 8.797 người là thành viên thuộc 5.981 hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, chủ yếu thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động. Những người này thuộc các đối tượng sau (có trường hợp 01 người thuộc nhiều đối tượng):

a) Là người khuyết tật mức độ nặng trở lên: 2.519 người.

b) Mắc bệnh hiểm nghèo: 819 người.

c) Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên: 12 người.

d) Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày: 914 người.

e) Là người dưới 16 tuổi, có hoàn cảnh khó khăn: 1.391 người.

f) Là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên, có hoàn cảnh khó khăn: 4.688 người.

(Có Phụ lục 1 kèm theo)

* Trong số 8.797 người có 5.331 người đang hưởng trợ cấp hàng tháng, gồm: 5.279 người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, 29 người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, 23 người hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công.

Các đối tượng nêu trên có hoàn cảnh gia đình và bản thân khó khăn, các khoản trợ cấp được nhận hàng tháng (nếu có) còn thấp, đồng thời đa số là người không có khả năng lao động nên không có khả năng tự tạo thêm thu nhập, từ đó không có khả năng thoát nghèo. Mặt khác, các đối tượng này phần lớn thuộc các hộ thiếu hụt các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản dẫn đến xác định là hộ nghèo: Không có bảo hiểm y tế (BHYT); không sử dụng Internet; trên 50% thành viên hộ là người phụ thuộc. Đối với chỉ số 02 dịch vụ cơ bản không sử dụng Internet; trên 50% thành viên hộ là người phụ thuộc rất khó tác động do người cao tuổi không có nhu cầu nhiều về sử dụng Internet, nhưng chỉ số dịch vụ cơ bản về

BHYT thì rất cần thiết đối với người cao tuổi. Từ thực tiễn trên, cần có chính sách hỗ trợ thu nhập hàng tháng để các đối tượng này thoát nghèo và tiếp tục hỗ trợ thu nhập hàng tháng, đồng thời hỗ trợ thêm BHYT sau khi các hộ này thoát nghèo để giúp họ ổn định cuộc sống, không tái nghèo.

3.2. Tham khảo việc thực hiện tại các tỉnh, thành phố

Một số tỉnh, thành phố đã ban hành nghị quyết quy định trợ cấp hàng tháng hoặc hỗ trợ một lần đối với đối tượng người thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn như: Thành phố Hà Nội; Thành phố Hải Phòng; Thành phố Đà Nẵng; Tỉnh Quảng Ninh.

(Có Phụ lục 2 kèm theo)

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

1.1. Thực hiện hỗ trợ thu nhập hàng tháng đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương và tiếp tục hỗ trợ thu nhập hàng tháng, đồng thời hỗ trợ thêm BHYT đối với một số đối tượng thuộc hộ nghèo sau khi được công nhận đã thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương nhằm thực hiện chủ trương của Đảng, thể hiện sự quan tâm đối với đối tượng yếu thế, trợ cấp hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo, giúp người nghèo bớt khó khăn, vươn lên thoát nghèo và không tái nghèo sau khi thoát nghèo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đúng thẩm quyền, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững; giúp giảm tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh đạt mục tiêu Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra.

1.2. Tiếp tục duy trì thực hiện chính sách an sinh xã hội của tỉnh quan tâm đến một số đối tượng yếu thế trong xã hội được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

2.1. Việc xây dựng phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của tỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản Luật, Nghị định.

2.2. Đảm bảo quyền và lợi ích của các đối tượng có liên quan trong việc thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ.

2.3. Quy định các chế độ chính sách phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh hiện nay. Nguồn kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ NGUYÊN TẮC

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo sau khi được công nhận thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương để ổn định cuộc sống.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Là thành viên thuộc hộ nghèo, thuộc các trường hợp sau:

- Là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

- Mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại danh mục Phụ lục IV Nghị định 134/2016/NĐ-CP và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

- Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo kết luận giám định y khoa của Hội đồng giám y khoa cấp tỉnh trở lên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

- Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

- Là người dưới 16 tuổi, thuộc một trong các trường hợp: Bị nhiễm HIV/AIDS theo quy định của pháp luật; Bị bỏ rơi; Tạm thời cách ly khỏi cha, mẹ theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ chết, mất tích, ly hôn theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên; Bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định);

- Là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên, thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Không có vợ, chồng, con hoặc có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc có vợ, chồng, con nhưng đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật.

+ Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn sau: Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật; Bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định; là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

+ Các thành viên khác trong hộ gia đình đều thuộc một trong các trường hợp sau: người cao tuổi; trẻ em; người đang đi học dưới 22 tuổi; người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên.

2.2. Là đối tượng quy định tại điểm 2.1 khoản 2 phần III Tờ trình này sau khi hộ được công nhận thoát nghèo.

3. Nguyên tắc

Việc thực hiện hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương đảm bảo công khai, minh bạch. Chế độ hỗ trợ thu nhập hàng tháng và hỗ trợ mức đóng BHYT cho đối tượng được thực hiện theo tháng.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN.

1. Mục tiêu của chính sách

Thực hiện hỗ trợ thu nhập hàng tháng đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương theo danh sách hộ nghèo đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận và tiếp tục hỗ trợ thu nhập hàng tháng, đồng thời hỗ trợ thêm BHYT đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo đã thoát nghèo nhằm thực hiện chủ trương của Đảng, thể hiện sự quan tâm đến một số đối tượng yếu thế trong xã hội, quan tâm người nghèo không có khả năng thoát nghèo, thực hiện tốt hơn công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, bảo đảm người dân được hưởng chính sách kịp thời, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững và giúp cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo có điều kiện thoát nghèo và không tái nghèo, giúp giảm tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra.

2. Nội dung của chính sách

2.1. Chính sách hỗ trợ thu nhập hàng tháng

Hỗ trợ hàng tháng cho đối tượng quy định tại điểm 2.1, điểm 2.2 khoản 2 phần III Tờ trình này bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ, trong đó:

a) Đối tượng được hưởng 100% mức hỗ trợ hàng tháng: Trường hợp không thuộc các đối tượng: đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội; đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công thì được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo theo quy định của Chính phủ.

b) Đối tượng được hỗ trợ thêm hàng tháng: Trường hợp thuộc đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã

hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công thì được hỗ trợ thêm hàng tháng phần chênh lệch giữa mức thu nhập chuẩn nghèo theo quy định của Chính phủ với mức trợ cấp hàng tháng đang hưởng.

2.2. Chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế

Hỗ trợ 100% mức đóng BHYT hàng tháng theo quy định cho các đối tượng quy định tại điểm 2.2 khoản 2 phần III Tờ trình này.

Trường hợp đối tượng tại điểm 2.2 khoản 2 phần III Tờ trình này thuộc diện được cấp nhiều loại thẻ bảo hiểm y tế thì chỉ được cấp một thẻ bảo hiểm y tế có quyền lợi cao nhất.

3. Hồ sơ, trình tự thực hiện

3.1. Hồ sơ, trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ thu nhập hàng tháng

a) Hồ sơ đề nghị:

- Đơn đề nghị của đối tượng hoặc người giám hộ (Mẫu số 01);

- Bản sao hợp lệ các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

- Văn bản đề nghị của Uỷ ban nhân dân cấp xã kèm theo danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này.

b) Trình tự thực hiện

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, lập danh sách trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc xem xét, quyết định việc xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 02 ngày làm việc, trừ những thông tin liên quan đến HIV/AIDS của đối tượng.

- Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung khiếu nại.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối

tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho đối tượng.

c) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến.

d) Thời gian chi trả: Từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng.

3.2. Hồ sơ, trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế

a) Hồ sơ đề nghị

- Văn bản đề nghị của Uỷ ban nhân dân cấp xã kèm danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này do Uỷ ban nhân dân cấp xã lập;

- Văn bản của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện kèm theo danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

b) Trình tự thực hiện

- Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách người đủ điều kiện hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết này và có văn bản đề nghị Phòng Lao động Thương binh và xã hội cấp huyện.

- Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định danh sách đối tượng được hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện;

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện chuyển thẻ bảo hiểm y tế cho Uỷ ban nhân dân cấp xã để cấp cho đối tượng.

- Định kỳ hàng năm, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện tổ chức thanh toán kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm y tế.

4. Giải pháp thực hiện chính sách

Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2025.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC

1. Kinh phí hỗ trợ thu nhập hàng tháng

Trong số 8.797 người thuộc hộ nghèo thuộc đối tượng nêu tại Tờ trình này thì có 10 người hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công mà trợ cấp đang hưởng cao hơn mức thu nhập chuẩn nghèo quy định hiện nay (1.500.000 đồng/tháng đối với người sống tại khu vực nông thôn hoặc cao hơn 2.000.000 đồng/tháng đối với người sống tại khu vực thành thị) nên không hỗ trợ đối với đối tượng này. Do vậy, hỗ trợ hàng tháng cho 8.787 người còn lại *(trong đó ở khu vực thành thị là 1.723 người, khu vực nông thôn là 7.064 người)*, gồm:

a) Có 3.466 người không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng.

Số tiền dự kiến hỗ trợ hàng tháng là:

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng x 656 người = 1.312.000.000 đồng/tháng.

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng x 2.810 người = 4.215.000 đồng/tháng.

Tổng kinh phí hỗ trợ là: 5.527.000.000 đồng/tháng.

b) Có 5.279 người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP với tổng số tiền là 4.832.300.000 đồng. Số tiền dự kiến hỗ trợ hàng tháng là:

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng x 1.058 người = 2.116.000.000 đồng/tháng.

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng x 4.221 người = 6.331.500.000 đồng/tháng.

Tổng kinh phí hỗ trợ là: 8.447.500.000 đồng/tháng

Kinh phí hỗ trợ thêm hàng tháng là: 8.447.500.000 - 4.832.300.000 đồng = 3.615.200.000 đồng.

c) Có 29 người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội với tổng kinh phí là 40.048.600 đồng/tháng.

Số tiền dự kiến hỗ trợ hàng tháng là:

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng x 04 người = 8.000.000 đồng/tháng.

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng x 25 người = 37.500.000 đồng/tháng.

Tổng kinh phí hỗ trợ là: 45.500.000 đồng/tháng

Kinh phí hỗ trợ thêm hàng tháng là: 45.500.000 - 40.048.600 đồng = 5.451.400 đồng.

d) Có 13 người đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân

người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với tổng kinh phí là 17.607.000 đồng/tháng. Số tiền dự kiến hỗ trợ hàng tháng là:

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng x 05 người = 10.000.000 đồng/tháng.

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng x 8 người = 12.000.000 đồng/tháng.

Tổng kinh phí hỗ trợ là: 22.000.000 đồng/tháng

.

Kinh phí hỗ trợ thêm hàng tháng là: 22.000.000 - 17.607.000 đồng = 4.393.000 đồng.

* Tổng số tiền hỗ trợ thu nhập hàng tháng dự kiến là: 9.152.044.400 đồng/tháng. Dự kiến tổng số tiền hỗ trợ trong cả năm cho 8.787 người là: 9.152.044.400 đồng x 12 tháng = 109.824.533.000 đồng.

2. Kinh phí hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế

Trong số 8.797 người thuộc hộ nghèo hoàn cảnh khó khăn có 2.519 người khuyết tật mức độ nặng trở lên, 197 người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và 23 người đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công đã được hỗ trợ BHYT nên dự kiến số người được hỗ trợ BHYT (mức đóng BHYT hiện nay là 4,5%) còn lại là 6.048 người.

4,5 % x 2.340.000 đồng x 6.048 người x 12 tháng = 7.642.252.800 đồng.

Tổng kinh phí thực hiện chính sách là: **117.466.786.000** đồng/năm.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2024.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

(Gửi kèm theo các văn bản: Dự thảo Nghị quyết; Dự thảo Báo cáo thực trạng; Dự thảo Báo cáo tác động; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch các PCT UBND tỉnh;
- Sở Lao động TBXH;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.Lai (9)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Hùng